

Số: **50/2022/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 07 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 605/2021/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Lê Bạch D, sinh năm 1993. Địa chỉ: 66/4/5 đường X, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị D chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 30/9/2018, sau đó kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, anh H và chị D chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên anh H và chị D tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H và chị D xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Lê Phương N, sinh ngày 09/11/2019, hiện đang ở với chị D. Hai bên thỏa thuận giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N với số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Xuân H và chị Lê Bạch D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Xuân H và chị Lê Bạch D mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H, chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000837 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Đỗ Xuân H và chị Lê Bạch D đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 24 tháng 01 năm 2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân Hg và chị Lê Bạch D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Phương N, sinh ngày 09/11/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N với số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Xuân H và chị Lê Bạch D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Xuân H và chị Lê Bạch D mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H, chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000837 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Đỗ Xuân H và chị Lê Bạch D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự

và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Huế;
- UBND xã P, huyện Phong Điền;
- (ĐKKH số 04 ngày 13/01/2020)**
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế